TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**VIỆN CÔNG NGHỆ HS-MT**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: ĐIỀU DƯỠNG PHỤ SẢN**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:***

Học hàm, học vị: ***TS, Trần Quốc Toản***

Địa chỉ liên hệ: Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An, Số 19 Tôn Thất Tùng, Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: 0988442359, toantq\_tg@vinhuni.edu.vn.

Các hướng nghiên cứu chính: Phụ sản và bệnh sản khoa.

***Giảng viên 2:, BS, Nguyễn Thị Sương***

Địa chỉ liên hệ: Viện Công nghệ Hóa Sinh - Môi trường, Trường Đại học Vinh.

Điện thoại, email: Sđt: 0969760387, nguyen.suong 16194@gmail.com.

Các hướng nghiên cứu chính: Đa khoa.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |
| --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Điều dưỡng Phụ Sản** (tiếng Anh): **Obstetrics and Gynecology Nursing** |
| - Mã số học phần: **NUR30020** |
| - Thuộc CTĐT ngành: Điều Dưỡng |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức cơ bản Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức ngành |  Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án Kiến thức khác |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  |  Tự chọn  |
| - Số tín chỉ: **4**+ Số tiết lý thuyết: **30** + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 60 + Số tiết tự học: 120 |
| - Điều kiện đăng ký học: |  |
| + Học phần tiên quyết: : Điều dưỡng cơ sở I, Điều dưỡng cơ sở II, Điều dưỡng bệnh nội khoa, Điều dưỡng ngoại khoa; | Mã số HP: NUR30007, NUR30009, NUR30012,NUR30016 |
| + Học phần học trước: | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1).+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành. |
| - Bộ môn phụ trách học phần:Điện thoại:0383855452 Email: viencnhsmt@vinhuni.edu.vn |

**2. Mô tả học phần:**

Điều dưỡng Phụ sản là môn học về kiến thức ngành Điều Dưỡng, nó cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để sinh viên có cái nhìn tổng quát và hình dung rõ hơn về Điều dưỡng Phụ sản. Học phần này gồm những kiến thức liên quan về sự thụ tinh, làm tổ của trứng, sinh lý phụ nữ có thai, chẩn đoán thai nghén, quá trình chuyển dạ, cách chăm sóc bà mẹ và trẻ em sau đẻ, tìm hiểu về sảy thai, chửa trứng, chửa ngoài tử cung, rau tiền đạo, rau bong non và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đồng thời sinh viên có thể tự rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; làm quen với kỹ năng làm việc trong các cơ sở y tế; phát triển tư duy logic và phản biện đồng thời vận dụng các kiến thức vào chăm sóc người bệnh trong các cơ sở y tế.

**3. Mục tiêu học phần:**

Môn học này giúp cho người học có thể phân tích, áp dụng các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa như sự thụ tinh, làm tổ của trứng, sự thay đổi của sinh lý phụ nữ mang thai, chẩn đoán thai nghén, quá trình chuyển dạ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em sau sinh, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, thể hiện đức tính kiên trì, tháo vát, tinh thần làm việc nhóm hiệu quả. Đồng thời hình thành ý tưởng, triển khai và vận hành quy trình chăm sóc sản phụ khoa vào các cơ sở y tế .

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** |  | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** |
| PLO1.3 | PLO3.1 | PLO3.2 | PLO4.1 | PLO4.2 |
| 1.3.2 | 3.1.1 | 3.2.1 | 4.1.3 | 4.2.2 |
| CLO1.1 | 0,1 |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  | 0,2 |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  | 0,2 |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  | 0,25 |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  | 0,4 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR****học phần**  | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Áp dụng, phân tích các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sản phụ khoa | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO3.1 | S4 |  Kỹ năng tổ chức và phát triển làm việc nhóm hiệu quả | Thực hành và hoạt động nhóm | Vấn đáp/phỏng vấn |
| CLO3.2 | S4 | Thuyết trình và thực hiện văn bản chuyên môn | Đồ án/dự án | Vấn đáp/phỏng vấn |
| CLO4.1 | K4 | Hình thành ý tưởng thiết kế, quy trình thực hành vào chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa | Đồ án/dự án | Vấn đáp/phỏng vấn |
| CLO4.2 | C4 | Triển khai, vận hành quy trình chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa trong các cơ sở y tế | Đồ án/dự án | Vấn đáp/phỏng vấn |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá**  | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ****(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** (tối thiểu 03 bài đánh giá) |  |  |  | **30%** |
| A1.1 | Đánh giá tiến độ đồ án/dự án | Rubric 1 | CLO1.1CLO3.1CLO3.2 | 50%20%30% | *15%* |
| A1.2 | Đánh giá tiến độ đồ án/dự án | Rubric 2 | CLO3.1CLO3.2CLO4.1 | 20%40%40% | *15%* |
| A1.3 | Đánh giá thực hành, kiểm tra giữa kỳ, bài tập cá nhân, bài tập nhóm | Đáp án | CLO1.1CLO3.1 | 60%40% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** |  |  |  | **50%** |
| A.2.1 | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | Rubric 3 | CLO1.1CLO3.1CLO3.2CLO4.1CLO4.2 | 20%10%10%40%20% |  |
|  | **Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = A1x0,5 + A2x0,5**  |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên:

**Rubrics 1**: A1.1: Rubric đánh giá tiến độ thực hiện dự án/đồ án điều dưỡng sản phụ (từ tuần 1 đến tuần 5)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/ CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Kém****(0-4)** | **Trung bình****(5-6)** | **Khá****(7-8)** | **Giỏi****(9-10)** | **Điểm tối đa** |
| Tuần 1 | Nhận đề tài và nội dung nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| *Tuần 2-5****CLO1.1****Áp dụng, phân tích các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sản phụ khoa* | Tìm kiếm tài liệu tham khảo | Không có tài liệu tham khảo | Có tài liệu tham khảo nhưng ít (<5 tài liệu) | Có tài liệu tham khảo (5-10 tài liệu) | Có nhiều tài liệu tham khảo (>10 tài liệu) và có TLTK nước ngoài | **1** |
| Lựa chọn dụng cụ, trang thiết bị trong chăm sóc sản phụ khoa | Không lựa chọn dụng cụ, trang thiết bị chăm sóc | Đã lựa chọn dụng cụ, trang thiết bị chăm sóc nhưng chưa phù hợp | Lựa chọn dụng cụ, trang thiết bị chăm sóc hợp lý | Tư duy logic trong việc lựa chọn dụng cụ, trang thiết bị chăm sóc hợp lý, có tính khả thi, mang tính thời sự | **1** |
| Tổng quan về dụng cụ, trang thiết bị chăm sóc trong sản phụ khoa | Tổng quan nhiều lỗi và không chính xác về kiến thức. | Tổng quan có ít lỗi và chưa sát về kiến thức.  | Tổng quan có ít thiếu sót không đáng kể và phù hợp kiến thức. | Tổng quan vấn đề nghiên cứu chính xác về kiến thức có trình tự và logic | **1** |
| Không biết cách bố trí cấu trúc các nội dung | Bố trí cấu trúc các nội dung chưa hợp lý. | Bố trí cấu trúc các nội dung hợp lý. | Bố trí cấu trúc các nội dung khoa học và có hệ thống. | **1** |
| Không cung cấp bảng biểu, dữ liệu để minh họa và giải thích các vấn đề | Giải quyết vấn đề dựa trên các minh họa hình vẽ, bảng biểu, số liệu tuy nhiên quá ít dữ liệu | Giải quyết vấn đề dựa trên các minh họa hình vẽ, bảng biểu, số liệu mức độ vừa đủ | Giải quyết vấn đề dựa trên các minh họa hình vẽ, bảng biểu, số liệu đầy đủ khoa học; | **1** |
| **CLO3.1***Tổ chức, hoạt động và phát triển nhóm hiệu quả* | Tham gia đóng góp ý kiến | Rất ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm dự án | Ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm dự án | Tham gia hoạt động và có đóng góp ý kiến cùng nhóm dự án | Tham gia tích cực hoạt động và có nhiều ý kiến xây dựng cùng nhóm dự án | **2** |
| **CLO3.2** *Khả năng thuyết trình và thực hiện văn bản chuyên môn.* | Khả năng trình bày | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe  | Không nói rõ lời, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe  | Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe  | **1** |
| Xác định nội dung nghiên cứu | Không viết được nội dung nghiên cứu; | Xác định được nội dung nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ và phù hợp qui mô của dự án | Xác định được nội dung nghiên cứu với qui mô dự án vừa đủ. | Xác định và làm rõ được nội dung nghiên cứu phù hợp với qui mô dự án; | **2** |
| **Tổng** | **10** |

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá thường xuyên A1.2

**Rubric 2:** Rubric đánh giá tiến độ thực hiện dự án/đồ án điều dưỡng phụ sản (từ tuần 7 đến tuần 10)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/ CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Kém****(0-4)** | **Trung bình****(5-6)** | **Khá****(7-8)** | **Giỏi****(9-10)** | **Điểm tối đa** |
| **CLO3.1***Tổ chức, hoạt động và phát triển nhóm hiệu quả* | Tham gia hoạt động nhóm | Rất ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm dự án | Ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm dự án | Tham gia hoạt động và có đóng góp ý kiến cùng nhóm dự án | Tham gia tích cực hoạt động và có nhiều ý kiến xây dựng cùng nhóm dự án | **2** |
| **CLO3.2** *Khả năng thuyết trình và thực hiện văn bản chuyên môn.* | Khả năng trình bày | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe  | Không nói rõ lời, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe  | Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe  | **2** |
| Xác định nội dung nghiên cứu | Không viết được nội dung nghiên cứu; | Xác định được nội dung nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ và phù hợp qui mô của dự án | Xác định được nội dung nghiên cứu với qui mô dự án vừa đủ. | Xác định và làm rõ được nội dung nghiên cứu phù hợp với qui mô dự án; | **2** |
| **CLO4.1***Hình thành ý tưởng thiết kế, quy trình thực hành vào chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa* | Lựa chọn đối tượng nghiên cứu | - Không hình thành được ý tưởng lựa chọn đối tượng nghiên cứu | - Hình thành được ý tưởng lựa chọn đối tượng nghiên cứu nhưng không hợp lý | - Hình thành được ý tưởng lựa chọn đối tượng nghiên cứu  | - Hình thành được ý tưởng lựa chọn đối tượng nghiên cứu phù hợp | **1** |
| Đề xuất được quy trình thực hành chăm sóc | Không đề xuất được quy trình thực hành chăm sóc | Đề xuất được quy trình thực hành chăm sóc, nhưng còn nhiều thiếu sót | Đề xuất được quy trình thực hành chăm sóc nhưng chưa đầy đủ | Đề xuất được quy trình thực hành chăm sóc | **1** |
| Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc | Không đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc | Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc nhưng còn thiếu | Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc ở mức độ đủ các yếu tố; | Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc ở mức độ đủ hoặc đề xuất được yếu tố mới | **1** |
| Đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng quy trình chăm sóc | Không đề xuất được các giải pháp cải tiến chất lượng quy trình chăm sóc | Đề xuất được các giải pháp cải tiến chất lượng chăm sóc nhưng không hợp lý | Đề xuất được các giải pháp cải tiến chất lượng chăm sóc | Đề xuất được các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng chăm sóc | **1** |
| Tổng | **10** |

5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

**Rubric 3: Rubric đánh giá cuối kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Nội dung đánh giá** | **Kém****(0-4)** | **Trung bình****(5-6)** | **Khá****(7-8)** | **Giỏi****(9-10)** | **Điểm tối đa** |
| **CLO1.1***Áp dụng, phân tích các kiến thức cơ bản vào chăm sóc sản phụ khoa* | **Thuyết minh, trình bày dự án** | Không nắm vững kiến thức về quá trình thực hành và sử dụng dụng cụ, trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc | Nắm chưa vững kiến thức về quá trình thực hành và sử dụng dụng cụ và trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc | Nắm cơ bản kiến thức về quá trình thực hành và sử dụng dụng cụ, trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc | Nắm vững kiến thức về quá trình thực hành và sử dụng dụng cụ,trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc | **1** |
| Không áp dụng được các kiến thức cơ sở để thực hiện kỹ thuật trong chăm sóc sản phụ khoa | Áp dụng chưa đúng các kiến thức cơ sở để thực hiện kỹ thuật trong chăm sóc sản phụ khoa | Áp dụng cơ bản các kiến thức cơ sở để thực hiện kỹ thuật trong chăm sóc sản phụ khoa | Áp dụng tốt các kiến thức cơ sở để thực hiện kỹ thuật trong chăm sóc sản phụ khoa | **1** |
| **CLO3.1***Tổ chức, hoạt động và phát triển nhóm hiệu quả* | **Thuyết minh, trình bày dự án** | Rất ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm dự án | Ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm dự án | Tham gia hoạt động và có đóng góp ý kiến cùng nhóm dự án | Tham gia tích cực hoạt động và có nhiều ý kiến xây dựng cùng nhóm dự án | **0,5** |
| Hoàn toàn bị động và không tự tin khi trình bày bản báo cáo | Chưa chủ động và thiếu tự tin khi trình bày bản báo cáo | Chủ động và tự tin khi trình bày bản báo cáo | Hoàn toàn chủ động và rất tự tin khi trình bày bản báo cáo | **0,5** |
| **CLO3.2***Thuyết trình và thực hiện văn bản chuyên môn.* | **Kỹ năng trình bày và bản thuyết minh báo cáo** | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe  | Không nói rõ lời, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe  | Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe  | **0,5** |
| Không viết được nội dung nghiên cứu; | Xác định được nội dung nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ và phù hợp qui mô của dự án | Xác định được nội dung nghiên cứu với qui mô dự án vừa đủ. | Xác định và làm rõ được nội dung nghiên cứu phù hợp với qui mô dự án; | **0,5** |
| **CLO4.1***Hình thành ý tưởng thiết kế, quy trình thực hành vào chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa* | **Kỹ năng trình bày và bản thuyết minh báo cáo** | - Không hình thành được ý tưởng lựa chọn đối tượng nghiên cứu | - Hình thành được ý tưởng lựa chọn đối tượng nghiên cứu nhưng không hợp lý | - Hình thành được ý tưởng lựa chọn đối tượng nghiên cứu  | - Hình thành được ý tưởng lựa chọn đối tượng nghiên cứu phù hợp | **1** |
| Không đề xuất được quy trình thực hành chăm sóc | Đề xuất được quy trình thực hành chăm sóc, nhưng còn nhiều thiếu sót | Đề xuất được quy trình thực hành chăm sóc nhưng chưa đầy đủ | Đề xuất được quy trình thực hành chăm sóc | **1** |
| Không đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc | Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc nhưng còn thiếu | Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc ở mức độ đủ các yếu tố; | Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc ở mức độ đủ hoặc đề xuất được yếu tố mới | **1** |
| Không đề xuất được các giải pháp cải tiến chất lượng quy trình chăm sóc | Đề xuất được các giải pháp cải tiến chất lượng chăm sóc nhưng không hợp lý | Đề xuất được các giải pháp cải tiến chất lượng chăm sóc | Đề xuất được các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng chăm sóc | **1** |
| **CLO4.2***Triển khai, vận hành quy trình chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa trong các cơ sở y tế* | **Kỹ năng trình bày và bản thuyết minh báo cáo** | Quy trình chăm sóc không đạt chất lượng | Quy trình chăm sóc chưa đạt chất lượng | Quy trình chăm sóc đạt chất lượng | Quy trình chăm sóc đạt chất lượng cao | **2** |
| **Tổng** | **10** |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

Lê Thanh Tùng, Điều dưỡng sản phụ khoa, nhà xuất bản giáo dục Hà Nội, 2008

***6.2. Tài tài liệu tham khảo:***

Ngô Thị Vân Huyền, giáo trình điều dưỡng sản phụ khoa, nhà xuất bản đại học Thái Nguyên, 2019

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 | **Hiện tượng thụ tinh, phát triển và làm tổ của trứng**1.Đại cương2.Các định nghĩa2.1 Thụ tinh2.2 Di chuyển của trứng2.3 Làm tổ2.4 Phát triển của trứng3.Mô tả các hiện tượng3.1 Hiện tượng thụ tinh3.2 Hiện tượng di chuyển của trứng3.3 Hiện tượng làm tổ của trứng3.4 Sự phát triển của trứng thành phôi và thành thai nhi4.Áp dụng thực tế | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động :** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 2 | **Thay đổi giải phẫu, sinh lý ở phụ nữ có thai**1.Đại cương2. Những thay đổi về nội tiết3. Những thay đổi về giải phẫu và sinh lý ở bộ phận sinh dục3.1. Thay đổi tại tử cung3.2 Thay đổi tại âm hộ, âm đạo3.3 Thay đổi tại buồng trứng và ống dẫn trứng4. Những thay đổi về giải phẫu và sinh lý các cơ quan ngoài bộ phận sinh dục4.1 Thay đổi tại vú4.2 Thay đổi ở da, gân, cơ và xương khớp4.3 Thay đổi ở bộ máy tuần hoàn4.4 Thay đổi ở bộ máy hô hấp4.5 Thay đổi ở bộ máy tiêu hóa4.6 Thay đổi ở bộ máy thần kinh4.7 Thay đổi khác ở toàn thân | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 1**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 3 | **Thai nhi đủ tháng**1.Đại cương2. Những đặc điểm chung3. Đặc điểm về giải phẫu4. Sinh lý thai nhi đủ tháng4.1 Tuần hoàn4.2 Hô hấp4.3 Tiêu hóa4.4 Bài tiết | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 2**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 4 | **Chẩn đoán thai nghén và vệ sinh thai nghén**1.Chẩn đoán thai nghén1.1 Đại cương1.2 Chẩn đoán thai nghén 20 tuần đầu1.3 Chẩn đoán thai nghén 20 tuần cuối1.4 Chẩn đoán tuổi thai2. Vệ sinh thai nghén2.1 Đại cương2.2 Vệ sinh khi có thai2.3 Chế độ ăn uống khi có thai2.4 Dùng thuốc | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 3**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 5 | **Dấu hiệu chuyển dạ và chăm sóc theo dõi** chuyển dạ1.Đại cương2. Định nghĩa3. Những dấu hiệu lâm sàng của chuyển dạ3.1 Cơ năng3.2 Thực thể4. Các giai đoạn của chuyển dạ5. Theo dõi chuyển dạ | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 4**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 6 | **Đỡ đẻ thường**1.Đại cương2. Chuẩn bị cho đỡ đẻ ngôi chỏm3. Tư thế sản phụ3.1 Đỡ đẻ tại bàn3.2 Đỡ đẻ tại giường4. Tư thế người đỡ đẻ4.1 Đỡ đẻ tại bàn4.2 Đỡ đẻ tại giường5. Các bước tiến hành6. Các hỗ trợ khác khi đỡ đẻ ngôi chỏm7. Chăm sóc sản phụ trong đỡ đẻ ngôi chỏm | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 5**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 7 | **Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ**1.Đại cương2. Nhận định trẻ sơ sinh ngay sau đẻ2.1 Diễn biến cuộc chuyển dạ, thai sổ bình thường hay phải can thiệp?2.2 Tình trạng hô hấp2.3 Tình trạng tuần hoàn2.4 Trương lực cơ2.5 Phản xạ2.6 Tình trạng da niêm mạc2.7 Tình trạng khác3. Đánh giá trẻ sơ sinh ngay sau đẻ bằng chỉ sô ápgar4. Trình tự nội dung chăm sóc | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 6**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 8 | **Chăm sóc bà mẹ sau đẻ**1.Chăm sóc bà mẹ thời kỳ sau đẻ1.1 Sinh lý thời kỳ sau đẻ1.2 Bản thân sản phụ1.3 Chăm sóc bà mẹ thời kỳ sau đẻ1.3.1 Các hoạt động1.3.2 Mục đích các chăm sóc thời kỳ sau đẻ2. Các biến cố dễ gặp thời kỳ sau đẻ2.1 Ngay sau đẻ2.2 Những ngày sau đẻ | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 7**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 9,10 | **Sảy thai, chửa trứng, chửa ngoài tử cung**1.Sả thai1.1 Khái niệm 1.2 Nguyên nhân1.2.1 Sảy thai tự nhiên1.2.2 Sảy thai liên tiếp1.2.3 Nguyên nhân khác1.3 Triệu chứng1.3.1 Dọa sẩy thai1.3.2 Sẩy thai thực sự1.4 Biến chứng1.5 Xử trí1.6 Kế hoạch chăm sóc2. Chửa trứng2.1 Đại cương2.2 Triệu chứng2.3 Tiến triển và biến chứng2.4 Hướng xử trí2.5 Theo dõi sau nạo trứng – tiêu chuẩn đánh giá chửa trứng có nguy cơ cao2.6 Lập kế hoạch chăm sóc3. Chửa ngoài tử cung1. Định nghĩa2. Nguyên nhân3. Vị trí thai làm tổ ngoài tử cung4. Triệu chứng5. Hướng xử trí6. Lập kế hoạch chăm sóc | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 8**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 11 | **Rau tiền đạo, rau bong non, thai chết lưu trong tử cung**1.Rau tiền đạo1.1 Định nghĩa1.2 Phân loại1.3 Nguyên nhân1.4 Triệu chứng1.5 Hướng xử trí1.6 Kế hoạch chăm sóc2. Rau bong non2.1 Định nghĩa2.2 Những yếu tố nguy cơ2.3 Các thể lâm sàng2.4 Triệu chứng2.5 Tiến triển và biến chứng 2.6 Hướng xử trí2.7 Kế hoạch chăm sóc3.Thai chết trong tử cung3.1 Định nghĩa3.2 Nguyên nhân3.3 Triệu chứng lâm sàng3.4 Diễn biến của thai chết trong tử cung3.5 Hướng xử trí3.6 Kế hoạch chăm sóc | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 9, 10**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 12 | **Chảy máu sau đẻ**1.Đại cương1.1 Khái niệm1.2 Phân loại2. Chảy máu nguyên phát2.1 Chảy máu khi rau chưa sổ ra ngoài2.2 Chảy máu ngay sau sổ rau3. Chảy máu thứ phát3.1 Nguyên nhân3.2 Xử trí4. Kế hoạch chăm sóc4.1 Nhận định4.2 Chẩn đoán chăm sóc4.3 Lập kế hoạch chăm sóc4.4 Thực hiện kế hoạch chăm sóc và đánh giá | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 11**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 13,14 | **Các bệnh lây truyền qua đường tình dục**1.Những vấn đề chung về các bệnh lây qua đường tình dục1.1 Nguyên nhân1.1.1 Bệnh lây truyền qua đường tình dục có thể do một trong những viêm nhiễm sinh dục sau1.1.2 Điều kiện thuận lợi dẫn đến bệnh lây truyền qua đường tình dục1.2 Dịch tiết âm đạo bình thường1.2.1 Vai trò của dịch tiết âm đạo bình thường1.2.2 Đặc tính của dịch tiết sinh lý ở âm đạo1.3 Thông tin và tư vấn về nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục2. Hội chứng tiết dịch âm đạo2.1 Triệu chứng và chẩn đoán3. Hội chứng tiết dịch niệu đạo3.1 Triệu chứng và chẩn đoán3.2 Nguyên tắc điều trị4. Hội chứng loét sinh dục, sưng hạch5. Sùi mào gà6. Hội chứng đau bụng dưới 7. Hội chứng suy giảm miễn dịch8. Dự phòng nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục9. Chăm sóc người bệnh bị lây nhiễm qua đường tình dục | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 12**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |
| 15 | **Các biện pháp sinh đẻ có kế hoạch**1.Đại cương2. Các biện pháp tránh thai2.1 Dụng cụ tử cung2.2 Viên thuốc tránh thai kết hợp liều thấp2.3 Thuốc tránh thai chỉ có progestin2.4 Thuốc diệt tinh trùng2.5 Bao cao su2.6 Triệt sản2.7 Các biện pháp tránh thai tự nhiên2.8 Phương pháp cho bú vô kinh | Lý thuyết (2 tiết)**Hoạt động 1:** Kiểm tra kiến thức tự đọc tuần 13,14**Hoạt động 2:** Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời*Tự đọc*: giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc | Đọc trước giáo trình | CLO1.1CLO3.1 | A1.3 |

**Dự án:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung hoạt động** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| Tuần 1 | Nhận nhiệm vụ và tìm kiếm tài liệu tham khảo | Trên lớp | - Nhận tên đề tài, nội dung nghiên cứu |  |  |  |
| Tuần 2 | - Tìm kiếm TLTK- Lựa chọn trang thiết bị, dụng cụ nghiên cứu | Trên lớp/ gửi bài báo cáo trên LMS | - Báo cáo kết quả nội dung thực hiện ở tuần 1- Thực hiện nội dung tuần 2 | Có tài liệu tham khảo (5-10 tài liệu)- Lựa chọn trang thiết bị, dụng cụ nghiên cứu phù hợp | CLO1.1CLO3.1 | A1.1 |
| Tuần 3,4,5 | Viết tổng quan về quy trình tiến hành nội dung nghiên cứu; Tài liệu tham khảo | Ở nhà/ gửi bài báo cáo trên LMS | - Báo cáo kết quả nội dung thực hiện ở tuần 2- Thực hiện nội dung tuần 3,4,5 | Báo cáo tổng quan các vấn đề nghiên cứu | CLO1.1CLO3.2 | A1.1 |
| Tuần 6 | **Báo cáo và đánh giá tiến độ lần 1** | Trên lớp/ tập trung các nhóm | - Báo cáo kết quả nội dung thực hiện từ tuần 1 đến tuần 5 | Kết quả đạt được theo thang đánh giá ở Rubric 1 | CLO1.1CLO3.1CLO3.2 | A1.1 |
| Tuần 7 | Xây dựng quy trình tiến hành nội dung nghiên cứu | Ở nhà | - Báo cáo kết quả chỉnh sửa theo góp ý của GVHD ở tuần 5- Thực hiện nội dung tuần 7 | Xây dựng quy trình tiến hành nội dung nghiên cứu | CLO3.1CLO3.2 | A1.2 |
| Tuần 8,9,10 | Thực nghiệm các nội dung liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu | Trên các cơ sở y tế | - Báo cáo kết quả nội dung thực hiện từ tuần 7 | Thực hiện thành thạo các quy trình tiến hành nội dung nghiên cứu | CLO3.1CLO4.1 | A1.2 |
| Tuần 11 | **Báo cáo và đánh giá tiến độ lần 2** | Trên lớp/ tập trung các nhóm | - Báo cáo kết quả nội dung thực hiện từ tuần 7 đến tuần 10 | Kết quả đạt được theo thang đánh giá ở Rubric 2 | CLO3.1CLO3.2CLO4.1 | A1.2 |
| Tuần 12 | Hoàn thiện quy trình tiến hành theo góp ý của giảng viên hướng dẫn | Trên lớp/ tập trung các nhóm | Báo cáo kết quả điều chỉnh quy trình | - Quy trình hoàn thiện sau khi điều chỉnh | CLO3.1CLO3.2 CLO4.1CLO4.2 | A2.1 |
| Tuần 13,14,15 | Hoàn thiện thuyết minh dự án | Trên các cơ sở y tế | - Báo cáo kết quả nội dung thực hiện ở tuần 13,14,15 | Bản thuyết minh hoàn thiện | CLO1.1CLO3.1CLO3.2 CLO4.1CLO4.2 | A2.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  |  | **Trần Quốc Toản** |

**Phụ lục 1: Ký hiệu về trình độ năng lực (TĐNL) và đối sánh với các thang phân loại**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ký hiệu TĐNL** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| ***Mức độ thành thạo dựa vào hoạt động*** | Crawly, 2001 | Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua | Có thể tham gia vào và đóng góp | Có thể hiểu và giải thích | Có kỹ năng trong thực hành hoặc thực hiện | Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới |
| MIT | 0.1 --> 1.0 | 1.1 --> 2.4 | 2.5 --> 3.4 | 3.5 --> 4.4 | 4.5 --> 5.0 |
|  |  |  | C3 | C4 | C5 |
| ***Lĩnh vực về nhận thức*** | Bloom, 1956 | -------- | - Biết | - Hiểu | - Áp dụng;- Phân tích |  - Tổng hợp;- Đánh giá |
| Anderson et al., 2001 | -------- | - Nhớ | - Hiểu |  - Áp dụng;- Phân tích |  - Đánh giá;- Sáng tạo |
|   |   | K2 | K3 | K4 | K5 |
| ***Lĩnh vực về tâm vận động*** | Simpson, 1972 | - Nhận thức;- Thiết lập | - Làm theo hướng dẫn | - Thuần thục |  - Thành thạo kỹ năng phức tạp;- Thích ứng |  - Sáng chế |
| Dave, 1975 | - Bắt chước có quan sát | - Làm lại theo cấu trúc nội tâm | - Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp |  - Hoàn thiện thứ tự các hoạt động |  - Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới |
|   | S1 | S2 | S3 | S4 | S5 |
| ***Lĩnh vực về cảm xúc*** | Krathwohl, Bloom & Masia, 1972 | ---------- | - Tiếp nhận hiện tượng | - Phản ứng với hiện tượng |  - Chấp nhận giá trị (Valuing) |  - Tổ chức;- Ứng xử |
|   |   | A2 | A3 | A4 | A5 |